

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 497 2025/DS-PT

Ngày: 24 - 09 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

- Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 08 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 364/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L1, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp Hòa L1, xã H, huyện L, tỉnh V (nay là ấp Hòa L1, xã An Bình, tỉnh V)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Y, sinh năm: 1950; Địa chỉ: ấp Phụng Đức B, xã Phú Phụng, huyện C, tỉnh E (nay là ấp Phụng Đức B, xã Phú Phụng, tỉnh V)

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Trần Minh Nh, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp Q, xã P, tỉnh V

3. *Người làm chứng do nguyên đơn ông Trần Văn L1 triệu tập:*

- Ông Lê Hữu Chí, sinh năm 1954. Địa chỉ ấp Phước Bình, xã An Bình, tỉnh

V

- Ông Trần Văn Ba, sinh năm 1951. Địa chỉ ấp Cống, xã Phú Phụng, tỉnh V

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Trần Văn L1 trình bày:

Vào khoảng đầu năm 1995 ông có cho ông Lê Văn Chợ vay 100 chỉ vàng loại 24kara để ông Chợ làm đê bao cồn Phước Định, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh V và cồn Phú Bình, huyện C. Do ông với ông Chợ có mối quan hệ bà con (ông Chợ là anh chú bác với ông) nên ông mới tin tưởng cho ông Chợ vay vàng và ông đã giao 100 chỉ vàng loại 24kara cho ông Chợ tại nhà ông thuộc ấp Hòa L1, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh V. Khi giao vàng cho ông Chợ thì giữa hai bên không có làm hợp đồng hay giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Thời hạn cho vay vàng là 01 (một) năm, đến cuối năm 1995 thì ông Chợ phải có nghĩa vụ trả lại số vàng này cho ông. Việc ông Chợ vay vàng của ông thì bà Trần Thị Y (vợ ông Chợ) cũng có biết.

Đến cuối năm 1995 là đến hạn trả vàng nhưng ông Chợ không trả nên ngày 12/01/1996 ông có đến nhà ông Chợ, lúc này do ông Chợ chưa có vàng nên tiếp tục hứa là đến ngày 20/01/1996 sẽ trả cho ông, đồng thời ông Chợ có viết giấy tay cam kết trả số vàng đã vay cho ông (giấy không có công chứng, chứng thực).

Khoảng năm 2018 ông Chợ cần tiền để lo thủ tục giấy tờ nhà đất của ông ở xã Phú Phụng, huyện C, sau khi xong sẽ bán đất để trả nợ cho ông nên hỏi vay ông tiếp số tiền là 100.000.000 đồng. Tin tưởng nên ông đồng ý cho vay. Khi cho vay số tiền 100.000.000 đồng thì ông giao số tiền này cho ông Chợ tại nhà thuộc ấp Hòa L1 xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh V. Khi giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông Chợ hai bên cũng không có làm giấy mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Đến ngày 10/4/2018 ông Chợ có viết cho ông 01 giấy hẹn trả nợ ghi ngày 10/4/2018, ông hứa đến ngày 22/4/2018 sẽ trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông. Khi đến hạn trả tiền và vàng nhưng ông Chợ tiếp tục không thực hiện, ông cũng đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng ông Chợ tiếp tục hứa hẹn mà không trả.

Đến khoảng năm 2023 ông Chợ bệnh nặng, thấy ông bệnh nặng nên ông ít đến đòi. Ông Chợ có viết 01 giấy tay gửi xe ôm đem lên nhà cho ông (Tờ giấy ghi tiêu đề “Chú Sáu”) có nội dung ông Chợ hứa sẽ lo trả số nợ cho ông.

Đến tháng 8/2023 thì ông Chợ chết. Khi chết thì ông Chợ vẫn còn nợ ông số vàng là 100 chỉ vàng 24kara và số tiền là 100.000.000 đồng.

Ông Chợ có vợ là bà Trần Thị Y, ông Chợ và bà Y không có con, cha mẹ ông Chợ đều đã chết. Bà Y vừa là vợ, vừa là người thừa kế duy nhất theo pháp luật của ông Lê Văn Chợ. Vì vậy nay ông yêu cầu Toà án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Trần Thị Y phải trả cho ông số vàng là 100 chỉ vàng loại 24kara và số tiền là 100.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Y trình bày:

Ông Lê Văn Chợ chết ngày 04/10/2023, bà Trần Thị Y là vợ của ông Lê Văn Chợ, giữa bà Y và ông Chợ không có con ruột cũng không có con nuôi; cha mẹ ruột của ông Chợ đều đã chết trước ông Chợ. Do đó, bà Y là người thừa kế duy nhất của ông Chợ.

Lúc còn sống, bà Y và ông Chợ là vợ chồng chung sống cùng với nhau. Khi sống chung thì ông Chợ mượn và vay tiền của ông Trần Văn L1 khi nào bà Y không biết. Đến khi ông Chợ bị bệnh nặng thì bà thấy ông L1 đến nhà đòi tiền nhưng bà Y không biết tiền mượn hay vay như thế nào? Nay ông Chợ đã chết, ông L1 yêu cầu bà Y trả 100 chỉ vàng loại 24Kara và số tiền 100.000.000 đồng bà Y không đồng ý.

Đối với giấy hẹn trả nợ ngày 12/01/1996 (âm lịch), tờ nhận nợ ngày 10/4/2018 và giấy hẹn có tiêu đề “Chú Sáu” có phải chữ ký và chữ viết của ông Lê Văn Chợ hay không thì bà Y cũng không biết vì bà không thể nhớ được chữ ký và chữ viết của ông Chợ như thế nào. Bên cạnh đó, việc giả chữ ký và chữ viết rất dễ thực hiện do đó bà không thể xác nhận chữ ký và chữ viết ở các giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp có phải chữ ký và chữ viết của ông Chợ hay không?

Đối với kết quả giám định chữ ký theo Kết luận giám định số 1080/2024/KL-KTHS ngày 12/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh E theo bị đơn là chưa đủ cơ sở để xác định các giấy nợ mà ông L1 cung cấp có phải là chữ ký của ông Chợ hay không? Tuy nhiên, phía bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định lại; việc giải quyết vụ án như thế nào là do Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật. Việc ông Chợ có nợ thật hay không thì chỉ có ông Chợ biết, còn bà Y hoàn toàn không biết gì về các khoản nợ của ông Chợ nên không liên quan đến bà Y. Do đó, bà Y không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông L1, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L1.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V) đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V), đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L1 đối với bà Trần Thị Y về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L1 100 (Một trăm) chỉ vàng 24kara và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/06/2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 – V nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Y. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Trần Văn L1 không đồng ý kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người làm chứng do nguyên đơn triệu ông Lê Hữu Chí tập trình bày: Ông là người lái xe ôm, khoảng giữa năm 2023 ông không nhớ rõ ông Lê Văn Chợ có nhờ ông mang tờ giấy hẹn trả nợ lên đưa cho ông Trần Văn Y, ông còn nhớ tờ giấy ông đưa cho ông Chợ là tờ giấy lịch.

Người làm chứng do nguyên đơn triệu ông Trần Văn Ba tập trình bày: Ông là bà con bên vợ của ông Lê Văn Chợ, theo ông biết là ông Trần Văn L1 còn cho ông Lê Văn Chợ mượn tiền, vàng nhiều hơn số đã khởi kiện, số nào không giấy tờ nên ông L1 không khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Trần Thị Y; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Y được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Văn L1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Y là vợ của ông Lê Văn Chợ (đã chết năm 2023) phải trả phần nợ của của ông Lê Văn Chợ là 100 chỉ vàng 24k và số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy giao dịch phát sinh trong lúc ông Chợ và bà Y còn chung sống, nay ông Chợ đã chết ông L1 khởi kiện buộc bà Y phải trả khoảng nợ của ông, bà cho ông L1 nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 463, Điều 615 Bộ luật dân sự 2015. Cấp sơ thẩm thiếu sót nên cần bổ sung.

[2] Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Y kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự khác không kháng cáo. Viện kiểm sát không kháng nghị. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[3] Nguyên đơn căn cứ vào “Giấy hẹn trả nợ ngày 12/01/1996 (âm lịch)” và “Tờ nhận nợ ngày 10/4/2018” yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số vàng là 100 chỉ vàng 24kara và số tiền là 100.000.000 đồng mà ông Lê Văn Chợ đã vay của nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng hiện nay ông Chợ đã chết, chữ viết và chữ ký trong “Giấy hẹn trả nợ ngày 12/01/1996 (âm lịch)” và “Tờ nhận nợ ngày 10/4/2018” không xác định được có phải do ông Chợ ký và viết hay không. Đồng thời, bị đơn cho rằng việc vay tiền, vàng của ông Chợ với nguyên đơn thì bị đơn không biết nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Căn cứ vào Kết luận giám định số 1080/2024/KL-KTHS ngày 12/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh E kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn Chợ trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn Chợ dưới mục “Người khai ký tên” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định chữ viết, chữ ký trong “Giấy hẹn trả nợ ngày 12/01/1996 (âm lịch)” và “Tờ nhận nợ ngày 10/4/2018” là của ông Lê Văn Chợ.

Căn cứ vào nội dung của “Giấy hẹn trả nợ ngày 12/01/1996 (âm lịch)” và “Tờ nhận nợ ngày 10/4/2018” có căn cứ xác định ông Lê Văn Chợ có vay của ông Trần Văn L1 100 chỉ vàng 24 kara và số tiền là 100.000.000 đồng, hiện nay vẫn chưa trả cho ông L1 số vàng và số tiền này.

[5] Việc vay vàng và tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Y với ông Chợ, mục đích vay vàng và tiền của ông Chợ là để làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Bà Y cũng thừa nhận có biết việc ông Chợ nợ ông L1. Do đó, căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ xác định đây là nợ chung của ông Chợ và bà Y nên ông Chợ bà Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L1 số nợ này. Tuy nhiên, nay ông Chợ đã chết, bà Y là người thừa kế duy nhất của ông Chợ, đồng thời bà Y cũng đã hoàn tất thủ tục khai nhận toàn bộ di sản thừa kế của ông Chợ. Do đó, bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L1 toàn bộ số vàng và tiền đã vay là 100 chỉ vàng 24kara và 100.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Toà án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 18 tháng

6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V).

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Y phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà Trần Thị Y thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Y.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V).

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 161, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 468, 614, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L1 đối với bà Trần Thị Y về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L1 100 (Một trăm) chỉ vàng 24kara và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án là 5.286.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) bà Trần Thị Y phải chịu toàn bộ. Do ông Trần Văn L1 đã thanh toán toàn bộ số tiền trên nên buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn L1 số tiền này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Y được miễn án phí.

Hoàn lại cho ông Trần Văn L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001486 ngày 18/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Y được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Khu vực 6 – V;
- VKSND tỉnh V;
- Phòng THADS Khu vực 6 – V;
- Các đương sự;
- Phòng GD.KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã Ký**

Lê Thị Thu Hương